

BÁO CÁO **TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI** **THÁNG TÁM VÀ 8 THÁNG NĂM 2021**

1. Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tháng Tám diễn ra trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi cho cây trồng, vật nuôi sinh trưởng và phát triển. Các địa phương trên cả nước tập trung chủ yếu vào gieo cấy, chăm sóc lúa mùa; thu hoạch lúa, hoa màu vụ hè thu đồng thời xuống giống lúa vụ thu đông. Tuy nhiên, do đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, nhiều địa phương thực hiện giãn cách xã hội làm ảnh hưởng tới chuỗi cung ứng sản xuất - chế biến - tiêu thụ các sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản.

a) Nông nghiệp

Tính đến ngày 15/8, cả nước gieo cấy được 1.409,1 nghìn ha lúa mùa, bằng 98% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc đạt 1.037,3 nghìn ha, bằng 99,4%; các địa phương phía Nam đạt 371,8 nghìn ha, bằng 94,4%. Diện tích gieo cấy lúa mùa giảm chủ yếu ở các địa phương thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long do ngành Nông nghiệp đã sớm nhận định nguy cơ ảnh hưởng của xâm nhập mặn nên khuyến cáo bà con nông dân chỉ nên gieo trồng ở những vùng đất đảm bảo an toàn để tránh thiệt hại. Hầu hết lúa được gieo cấy trong khung thời vụ tốt nhất, trà lúa sớm đang trong giai đoạn già đòng, trổ bông; trà lúa chính vụ đang trong giai đoạn ôm đòng sinh trưởng và phát triển tốt.

Vụ lúa hè thu năm nay cả nước gieo cấy được 1.955,9 nghìn ha, tăng 10,8 nghìn ha so với vụ hè thu năm trước. Diện tích lúa hè thu tăng chủ yếu ở các địa phương thuộc Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung do năm trước vùng này chịu ảnh hưởng nặng nề của hạn hán, năm nay thời tiết thuận lợi, nguồn nước đủ cung cấp cho cả vụ nên sản xuất dần được phục hồi. Một số địa phương tăng nhiều như: Khánh Hoà tăng 11,2 nghìn ha; Bình Định tăng 3,2 nghìn ha; Quảng Ngãi tăng 2,7 nghìn ha. Tuy nhiên, diện tích gieo cấy lúa hè thu giảm ở một số địa phương thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long do ảnh hưởng của hiện tượng xâm nhập mặn, thời tiết nắng, nóng kéo dài, thiếu nước tưới và do thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng: Vĩnh Long giảm 4,2 nghìn ha; Đồng Tháp giảm 3,3 nghìn ha; Kiên Giang giảm 1,5 nghìn ha.

Tính đến trung tuần tháng Tám, cả nước thu hoạch được 999,4 nghìn ha lúa hè thu, chiếm 51,1% diện tích gieo cấy và bằng 97,9% cùng kỳ năm trước, tập trung chủ yếu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long với 861,3 nghìn ha, chiếm 57,1% và bằng 98,4%. Diện tích thu hoạch lúa hè thu chậm hơn so với cùng kỳ năm trước do gieo trồng chậm hơn để đảm bảo nguồn nước tưới, phòng trừ sâu bệnh và ảnh hưởng của dịch Covid-19 nhiều địa phương thực hiện giãn cách xã hội nên thiếu nhân lực thu hoạch, vận chuyển và tiêu thụ lúa gạo.

Đến trung tuần tháng Tám, vùng Đồng bằng sông Cửu Long xuống giống được 384,4 nghìn ha lúa thu đông, bằng 97,4% cùng kỳ năm trước. Tiến độ gieo trồng lúa thu đông chậm hơn cùng kỳ năm trước do các địa phương thực hiện theo khuyến cáo của ngành Nông nghiệp nhằm tránh sâu bệnh, đảm bảo nguồn nước tưới và ảnh hưởng của việc thu hoạch lúa hè thu chậm. Hiện nay, lúa đang giai đoạn làm đòng đến chắc xanh, sinh trưởng và phát triển khá tốt. Các giống lúa chất lượng cao được nông dân ưa chuộng tiếp tục gieo sạ như: OM 5451, OM 4218, Jasmine 85... Để hạn chế ảnh hưởng của lũ, giảm tỷ lệ hao hụt xuống mức thấp nhất, các địa phương cần tăng cường khuyến cáo người dân chỉ nên sản xuất lúa thu đông ở những nơi có hệ thống thủy lợi nội đồng hoàn chỉnh, chủ động ngăn được lũ hoặc tiêu thoát nước tốt, đồng thời thực hiện tốt các biện pháp phòng trừ sâu bệnh; tích cực áp dụng phương pháp canh tác ba giảm - ba tăng¹; bón phân theo bảng màu lá lúa; sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo nguyên tắc bốn đúng² nhằm tăng hiệu quả sản xuất.

Tính đến ngày 15/8, các địa phương trên cả nước gieo trồng được 817,5 nghìn ha ngô, bằng 99% cùng kỳ năm trước; 85,3 nghìn ha khoai lang, bằng 93,6%; 155,2 nghìn ha lạc, bằng 97,7%; 35,8 nghìn ha đậu tương, bằng 92,6%; 958,6 nghìn ha rau đậu, bằng 100,5%.

Chăn nuôi trâu, bò trong tháng nhìn chung ổn định, dịch viêm da nổi cục đang dần được kiểm soát nhưng nguy cơ tái phát vẫn còn cao. Chính quyền địa phương và các cơ quan chuyên ngành vẫn cần tiếp tục triển khai các giải pháp phòng, chống dịch bệnh, tổ chức tốt việc tiêm vắc xin; giám sát, phát hiện và xử lý kịp thời các ổ dịch mới phát sinh; xử lý nghiêm các trường hợp vận chuyển, mua bán trâu, bò trái phép, không rõ nguồn gốc. Ước tính đến thời điểm cuối tháng Tám năm 2021 tổng số trâu của cả nước giảm 3,8% so với cùng thời điểm năm 2020; tổng số bò tăng 1,8%.

¹ Ba giảm - ba tăng bao gồm tổng hợp các biện pháp kỹ thuật thực hiện trong canh tác lúa nhằm giảm lượng giống, giảm thuốc bảo vệ thực vật và giảm phân bón nhưng vẫn giúp tăng năng suất, tăng hiệu quả kinh tế và tăng chất lượng sản phẩm.

² Nguyên tắc 4 đúng trong sử dụng thuốc bảo vệ thực vật bao gồm: Đúng thuốc, đúng liều lượng, đúng thời điểm và đúng phương pháp.

Chăn nuôi lợn và gia cầm chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, nhiều chợ đầu mối, chợ truyền thống tạm ngưng hoạt động, chi phí sản xuất tăng, khâu lưu thông bị gián đoạn, nhu cầu thị trường giảm nên các cơ sở chăn nuôi nhỏ lẻ gặp khó khăn trong khâu tiêu thụ, lượng vật nuôi tồn đọng trong chuồng cao, tăng nguy cơ thua lỗ. Các doanh nghiệp, trang trại chăn nuôi theo chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ, cung cấp cho các kênh phân phối như siêu thị, hệ thống cửa hàng bán lẻ hiện đại vẫn đảm bảo tiêu thụ, giá bán được duy trì với mức ổn định. Ước tính đến thời điểm cuối tháng Tám, tổng số lợn của cả nước tăng 4,5% so với cùng thời điểm năm 2020; số gia cầm tăng 4,2%.

Tính đến ngày 25/8/2021, cả nước không còn dịch tai xanh và dịch lở mồm long móng; dịch cúm gia cầm còn ở Lạng Sơn, Nghệ An, Đắk Lắk; dịch tả lợn châu Phi còn ở 29 địa phương³ và dịch viêm da nổi cục còn ở 36 địa phương⁴ chưa qua 21 ngày.

b) Lâm nghiệp

Trong tháng Tám, thời tiết tương đối thuận lợi đối với hoạt động trồng rừng trên cả nước. Các tỉnh phía Bắc tích cực khai thác gỗ theo kế hoạch, các tỉnh phía Nam tiếp tục chăm sóc diện tích rừng đã trồng, chuẩn bị cho trồng rừng cuối năm. Diện tích rừng trồng mới tập trung cả nước tháng 8/2021 ước tính đạt 19,9 nghìn ha, tăng 1,9% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt gần 4,3 triệu cây, giảm 0,7%; sản lượng gỗ khai thác đạt 1.589,6 nghìn m³, tăng 2,9%. Sản lượng gỗ khai thác tập trung ở các tỉnh thuộc khu vực Trung du và Miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung do hai vùng này ít bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 hơn các vùng khác. Hoạt động khai thác rừng trồng đến tuổi thu hoạch vẫn được thực hiện tương đối ổn định theo kế hoạch sản xuất. Sản lượng củi khai thác tháng Tám ước tính đạt 1,5 triệu ste, giảm 2,0% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 8 tháng năm 2021, diện tích rừng trồng mới tập trung ước tính đạt 143,4 nghìn ha, tăng 3,0% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 56,2 triệu cây, tăng 1,7%; sản lượng gỗ khai thác đạt 11.085,2 nghìn m³, tăng 5,1%; sản lượng củi khai thác đạt 12,9 triệu ste, giảm 0,5%.

Trong tháng 8/2021, diện tích rừng bị thiệt hại⁵ là 400,7 ha, tăng 97,0% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Diện tích rừng bị cháy là 334,0 ha, gấp 1,7 lần; diện tích rừng bị chặt, phá là 66,7 ha, giảm 19,0%. Các tỉnh có diện

³ Quảng Ninh, Hải Phòng, Ninh Bình, Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước, Đồng Nai, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau.

⁴ Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Yên Bái, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Bình Phước, Tây Ninh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Đồng Tháp, Kiên Giang.

⁵ Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tính từ 16/7/2021 đến 15/8/2021.

tích rừng bị cháy cao trong tháng là Thừa Thiên - Huế 224,2 ha, Lạng Sơn 26,2 ha, Quảng Trị 21,1 ha, Bình Định 20,6 ha, Phú Yên 15,6. Ước tính 8 tháng năm 2021, diện tích rừng bị thiệt hại là 1.726,8 ha, tăng 45,0% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm diện tích rừng bị cháy là 963 ha, tăng 66,8%; diện tích rừng bị chặt, phá là 763,8 ha, tăng 24,6%.

c) Thủy sản

Sản lượng thủy sản tháng Tám ước tính đạt 801,4 nghìn tấn, giảm 2,6% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm cá đạt 570,5 nghìn tấn, giảm 2,9%; tôm đạt 121,9 nghìn tấn, giảm 0,1%; thủy sản khác đạt 109,0 nghìn tấn, giảm 4,0%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng trong tháng ước tính đạt 443,8 nghìn tấn, giảm 4,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cá đạt 292,5 nghìn tấn, giảm 5,3%; tôm đạt 109,7 nghìn tấn, tăng 0,3%.

Do thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg nên các doanh nghiệp chế biến thủy sản duy trì hoạt động với công suất thấp ở mức 45-50% so với bình thường. Thu mua nguyên liệu chế biến của các doanh nghiệp giảm, giá các loại thủy sản có sự biến động mạnh trong tháng. Tính tới trung tuần tháng 8/2021, giá cá tra nguyên liệu tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long⁶ ở mức 21.000-21.500 đồng/kg, giảm 500-1.000 đồng/kg so với những tháng đầu năm 2021. Tình hình xuất khẩu cá tra gặp nhiều khó khăn trong việc đặt tàu vận chuyển. Sản lượng cá tra tháng Tám ước tính đạt 117,0 nghìn tấn, giảm 9,8% so với cùng kỳ năm trước. Tôm thẻ chân trắng nuôi trồng năm nay được mùa, đạt năng suất cao nhưng giá giảm mạnh trong tháng⁷. Các hộ nuôi cố gắng thu hoạch do lo ngại giá tôm tiếp tục giảm, nhưng việc thực hiện giãn cách xã hội từ cuối tháng Bảy đến nay gây khó khăn cho khâu thu mua sản phẩm của các cơ sở chế biến. Sản lượng tôm thẻ chân trắng trong tháng ước tính đạt 71,9 nghìn tấn, tăng 1,6% so với cùng kỳ năm trước; tôm sú đạt 33,2 nghìn tấn, giảm 0,3%.

Sản lượng thủy sản khai thác tháng 8/2021 ước tính đạt 357,6 nghìn tấn, giảm 0,8% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 278,0 nghìn tấn, giảm 0,2%; tôm đạt 12,2 nghìn tấn, giảm 3,2%; thủy sản khác đạt 67,4 nghìn tấn, giảm 2,6%. Sản lượng thủy sản khai thác biển tháng Tám ước tính đạt 338,3 nghìn tấn, giảm 0,7% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng thủy sản khai thác biển giảm do dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, nhu cầu tiêu thụ hải sản thấp, giá xăng dầu tăng, một số cảng cá bị phong tỏa⁸ đã ảnh hưởng đến hoạt động đánh bắt của ngư dân.

⁶ Nguồn: <http://vasep.com.vn/gia-thuy-san?key=&sp=90&m=8&y=2021>

⁷ Giá tôm thẻ chân trắng nguyên liệu ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long giảm mạnh từ 6.000 -15.000 đồng/kg ở tất cả các kích cỡ so với tháng trước; giá tôm thẻ chân trắng cỡ 100 con/kg dao động trong khoảng 68.000-73.000 đồng/kg, cỡ 80 con/kg ở mức 82.000 đồng/kg; giá tôm sú cỡ 20 con/kg có giá 210.000-215.000 đồng/kg. Nguồn: <http://agromonitor.vn/group/47/272/giam-sat-gia>

⁸ Cảng La Gi (Bình Thuận), cảng Thọ Quang (Đà Nẵng).

Tính chung 8 tháng năm 2021, sản lượng thủy sản ước tính đạt 5.692,5 nghìn tấn, tăng 1,4% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 2.987,7 nghìn tấn, tăng 1,8%; sản lượng thủy sản khai thác đạt 2.704,8 nghìn tấn, tăng 0,8% (sản lượng thủy sản khai thác biển đạt 2.581,0 nghìn tấn, tăng 0,9%).

2. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp trong tháng Tám chịu ảnh hưởng nặng nề khi dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, nhiều địa phương phải thực hiện giãn cách xã hội để phòng chống dịch bệnh theo Chỉ thị số 16/CT-TTg. Ước tính chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 8/2021 giảm 4,2% so với tháng trước và giảm 7,4% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng năm 2021, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 5,6% so với 8 tháng năm 2020.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 8/2021 ước tính giảm 4,2% so với tháng trước và giảm 7,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành khai khoáng giảm 2,4%; ngành chế biến, chế tạo giảm 9,2%; sản xuất và phân phối điện tăng 1,5%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,2%.

Tính chung 8 tháng năm 2021, IIP ước tính tăng 5,6% so với cùng kỳ năm trước, mặc dù cao hơn tốc độ tăng 2,2% của cùng kỳ năm 2020 nhưng thấp hơn nhiều so với tốc độ tăng 9,5% của cùng kỳ năm 2019. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 7% (cùng kỳ năm 2020 tăng 3,7%), đóng góp 5,9 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 6,6%, đóng góp 0,6 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,4%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng giảm 6,2%, làm giảm 1 điểm phần trăm trong mức tăng chung.

Chỉ số sản xuất 8 tháng năm 2021 của một số ngành trọng điểm thuộc ngành công nghiệp cấp II tăng so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất kim loại tăng 30,4%; sản xuất xe có động cơ tăng 23,1%; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu tăng 9,2%; dệt và sản xuất giường, tủ, bàn ghế cùng tăng 8,2%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 7,9%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 7,8%; hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải, tái chế phế liệu tăng 7,4%; sản xuất và phân phối điện tăng 6,6%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 6%; sản xuất trang phục tăng 5,9%. Ở chiều ngược lại, một số ngành có chỉ số sản xuất giảm: Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu giảm 13,9%; khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 10,7%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị giảm 7,6%; thoát nước và xử lý nước thải giảm 3,6%; sản xuất sản phẩm thuốc lá giảm 1,7%; in, sao chép bản ghi các loại giảm 1%; khai thác than cứng và than non giảm 0,9%.

Chỉ số sản xuất tháng 8/2021 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương giảm mạnh do ảnh hưởng của dịch Covid-19 như: Bến Tre giảm 60,1%; Đồng Tháp giảm 59,1%; Thành phố Hồ Chí Minh giảm 49,2%; Vĩnh Long giảm 41,5%; Tây Ninh giảm 36,9%; Sóc Trăng giảm 31,4%; Hậu Giang giảm 29,5%; Khánh Hòa giảm 28,6%; Tiền Giang giảm 27%; Cần Thơ giảm 25,9%; Kiên Giang giảm 25,6%; Long An giảm 20,9%; Đà Nẵng giảm 17,1%; An Giang và Quảng Nam cùng giảm 15,5%; Đồng Nai giảm 13,3%; Bình Dương giảm 12,6%; Hà Nội giảm 6,4%; Bà Rịa-Vũng Tàu giảm 3,7%. Một số địa phương có chỉ số IIP tăng như: Hải Phòng tăng 21,2%; Hà Nam tăng 18,5%; Hải Dương tăng 17,8%; Quảng Ninh tăng 17,5%; Thái Bình tăng 15,8%; Nghệ An tăng 14,9%; Ninh Thuận và Nam Định cùng tăng 14,2%; Quảng Trị tăng 13,7%; Bắc Giang tăng 13,1%; Kon Tum tăng 12,5%; Quảng Ngãi tăng 11,4%.

Chỉ số sản xuất 8 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương giảm mạnh do ảnh hưởng của dịch Covid-19: (1) *Đồng Tháp* giảm 10,9% do ngành dệt giảm 66,1%; sản xuất sản phẩm thuốc lá giảm 47,4%; sản xuất đồ uống giảm 29%; sản xuất chế biến thực phẩm giảm 11,8%. (2) *Khánh Hòa* giảm 7,9% do sản xuất mô tô, xe máy giảm 24,2%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 19,4%; sản xuất đồ uống giảm 16,7%; sản xuất trang phục giảm 2,3%. (3) *Bến Tre* giảm 6,9% do ngành dệt giảm 19,6%; sản xuất sản chế biến thực phẩm giảm 12,6%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học giảm 12,5%; sản xuất trang phục giảm 10,3%. (4) *Thành phố Hồ Chí Minh* giảm 6,6% do sản xuất trang phục giảm 18,5%; sản xuất đồ uống giảm 17%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu giảm 14,2%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị giảm 13,3%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc thiết bị) giảm 12,7%. (5) *Trà Vinh* giảm 4% do sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic giảm 31,2%; sản xuất trang phục giảm 13,2%; sản xuất chế biến thực phẩm giảm 7,7%. (6) *Bà Rịa-Vũng Tàu* giảm 3% do khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 10%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn giảm 4,4%.

Một số địa phương có chỉ số IIP 8 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước tăng: (1) *Ninh Thuận* tăng 34,1% do sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 18%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 17,7%; dệt tăng 3,7%. (2) *Nghệ An* tăng 23,1% do sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 50,8%; sản xuất trang phục tăng 48,6%; dệt tăng 41,9%. (3) *Hải Phòng* tăng 20,6% do sản xuất trang phục tăng 48,2%; dệt tăng 26,5%; sản xuất da và các sản phẩm liên quan tăng 18,3%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 18,2%. (4) *Bắc Ninh* tăng 9,8% do sản xuất trang phục tăng 38,8%; sản xuất đồ uống tăng 19,7%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 10,3%. (5) *Quảng Ngãi* tăng 9% do dệt gấp 2,8 lần; sản xuất kim loại tăng 79,1%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 25,7%. (6) *Hưng Yên* tăng

8% do sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 38,6%; sản xuất thiết bị điện tăng 18,1%; sản xuất đồ uống tăng 13,3%; sản xuất trang phục tăng 12%. (7) *Quảng Ninh* tăng 7,4% do sản xuất trang phục gấp 9,3 lần (bổ sung sản phẩm từ doanh nghiệp mới Công ty TNHH Dệt may Weitai Hạ Long); sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học gấp 8,9 lần (do các công ty đầu tư trực tiếp nước ngoài đi vào hoạt động từ quý IV/2020, tăng cường và mở rộng sản xuất trong 8 tháng năm 2021 như công ty Công ty TNHH Kỹ thuật điện tử Tonly, Công ty TNHH Kỹ thuật điện tử Pully, Công ty BUMJIN ELECTRONIC VINA, Công ty TNHH Competition; công ty TNHH Electronic vina); in, sao chép bản ghi các loại tăng 19,3%; sản xuất đồ uống và dệt cùng tăng 17,8%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc thiết bị) tăng 11%. (8) *Bắc Giang* tăng 6,5% do sản xuất kim loại tăng 83,9%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 20,9%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 12,1%. (9) *Đông Nai* tăng 4,4% do in, sao chép bản ghi các loại tăng 8,3%; sản xuất trang phục tăng 7,1%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 6,6%; dệt tăng 5,9%. (10) *Bình Dương* tăng 4,3% do sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc thiết bị) tăng 19,2%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 7,2%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 4,3%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 8 tháng năm 2021 tăng so cao với cùng kỳ năm trước: Thép cán tăng 48,3%; linh kiện điện thoại tăng 43,9%; ô tô tăng 27,9%; sắt, thép thô tăng 13,7%; giày, dép da tăng 12,5%; phân hỗn hợp NPK tăng 12,3%; sữa bột tăng 11,1%; khí hóa lỏng LPG tăng 10,6%; điện thoại di động tăng 10%; thức ăn cho gia súc tăng 9,2%; vải dệt từ sợi tự nhiên tăng 6,7%. *Một số sản phẩm giảm so với cùng kỳ năm trước:* Tivi các loại giảm 27,1%; khí đốt thiên nhiên dạng khí giảm 14,3%; đường kính giảm 9,5%; dầu mỏ thô khai thác giảm 6,2%; bột ngọt giảm 5,7%; thủy hải sản chế biến giảm 5,1%; thức ăn cho thủy sản giảm 5%.

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/8/2021 giảm 5,3% so với cùng thời điểm tháng trước và giảm 10,6% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước giảm 0,8% và giảm 4,3%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước giảm 5,6% và giảm 9,7%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giảm 6% và giảm 12%. Theo ngành hoạt động, số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp ngành khai khoáng giảm 0,3% so với cùng thời điểm tháng trước và giảm 1,6% so với cùng thời điểm năm trước; ngành chế biến, chế tạo giảm 5,8% và giảm 11,4%; ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí giảm 0,1% và tăng 2%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 0,7% và giảm 4,1%.

3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp⁹

Sự bùng phát mạnh của làn sóng Covid-19 lần thứ tư cùng với các đợt giãn cách liên tiếp đã khiến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề, đặc biệt là các địa phương phía Nam. Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường trong 8 tháng năm 2021 là 85,5 nghìn doanh nghiệp, tăng 24,2% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó Thành phố Hồ Chí Minh có 24 nghìn doanh nghiệp (chiếm 28,1% tổng số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường), tăng 6,6%. Số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 43,2 nghìn doanh nghiệp, chiếm 50,5% tổng số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

Trong tháng 8/2021, cả nước có 5.761 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký 68 nghìn tỷ đồng và số lao động đăng ký 43,4 nghìn người, giảm 34,1% về số doanh nghiệp, giảm 44,6% về vốn đăng ký và giảm 39,1% về số lao động so với tháng 07/2021; giảm 57% về số doanh nghiệp, giảm 76,5% về số vốn đăng ký và giảm 54,9% về số lao động so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong tháng đạt 11,8 tỷ đồng, giảm 16% so với tháng trước và giảm 45,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng, cả nước có 3.865 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 21,9% so với tháng trước và giảm 19,1% so với cùng kỳ năm trước. Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là 6.441 doanh nghiệp, giảm 34,9% so với tháng trước và giảm 18,9% so với cùng kỳ năm 2020¹⁰, trong đó: 3.118 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, giảm 31,1% và tăng 0,5%; 2.511 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, giảm 36,1% và giảm 26,7%; 812 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 43,7% và giảm 42,7%.

Tính chung 8 tháng năm 2021, cả nước có 81,6 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là gần 1.133,4 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký là 598,9 nghìn lao động; giảm 8% về số doanh nghiệp, giảm 7,5% về vốn đăng ký và giảm 13,8% về số lao động so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong 8 tháng đạt 13,9 tỷ đồng, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước. Nếu tính cả 1.539,4 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm của gần 30,1 nghìn doanh nghiệp thay đổi tăng vốn thì tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 8 tháng năm 2021 là gần 2.672,8 nghìn tỷ đồng, giảm 17% so với cùng kỳ năm 2020. Bên cạnh đó, còn có

⁹ Nguồn: Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Báo cáo nhận ngày 25/8/2021).

¹⁰ Số liệu này có thể chưa phản ánh được thực sự số doanh nghiệp thực tế rút lui khỏi thị trường, bởi trong điều kiện nhiều địa phương phải thực hiện giãn cách xã hội nên các doanh nghiệp không thể làm thủ tục liên quan đến việc rút lui khỏi thị trường.

32,4 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 0,6% so với cùng kỳ năm trước, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 8 tháng năm 2021 là 114 nghìn doanh nghiệp, trung bình mỗi tháng có gần 14,3 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động.

Theo khu vực kinh tế, trong 8 tháng năm nay có 1.388 doanh nghiệp thành lập mới thuộc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, giảm 18,2% so với cùng kỳ năm 2020; 22,1 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực công nghiệp và xây dựng, giảm 16%; 58,1 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực dịch vụ, giảm 4,2%. Ba trong 17 lĩnh vực hoạt động có số doanh nghiệp thành lập mới tăng: Kinh doanh bất động sản tăng 19,2% so với cùng kỳ năm trước; vận tải kho bãi tăng 9,3%; thông tin và truyền thông tăng 5%. Số lĩnh vực có số doanh nghiệp thành lập mới giảm so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Sản xuất phân phối điện, nước, gas giảm 73%; dịch vụ lưu trú ăn uống giảm 18,2%; dịch vụ việc làm, du lịch, cho thuê máy móc thiết bị, đồ dùng và các dịch vụ hỗ trợ khác giảm 16,1%; nghệ thuật, vui chơi giải trí giảm 10,6%; xây dựng giảm 10,2%; bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy giảm 6,5%; công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 4,9%; giáo dục và đào tạo giảm 4,7%; khoa học, công nghệ, dịch vụ tư vấn, thiết kế, quảng cáo và chuyên môn khác giảm 4,4%; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội giảm 1,3%; tài chính, ngân hàng và bảo hiểm giảm 0,1%.

Cũng trong 8 tháng năm nay, có 85,5 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 24,2% so với cùng kỳ năm 2020, bao gồm: 43,2 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 25,9% so với cùng kỳ năm trước; 30,1 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 24,5%; 12,2 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 17,8%. Trong đó có 10.822 doanh nghiệp có quy mô vốn dưới 10 tỷ đồng, tăng 18,1%; 140 doanh nghiệp có vốn trên 100 tỷ đồng, giảm 16,7%. Doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực: Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy có 4.507 doanh nghiệp; công nghiệp chế biến, chế tạo có 1.415 doanh nghiệp; xây dựng có 1.080 doanh nghiệp; khoa học, công nghệ, dịch vụ tư vấn thiết kế, quảng cáo và chuyên môn khác có 732 doanh nghiệp; dịch vụ lưu trú và ăn uống có 700 doanh nghiệp; dịch vụ việc làm, du lịch, cho thuê máy móc thiết bị, đồ dùng, các dịch vụ hỗ trợ khác có 624 doanh nghiệp; kinh doanh bất động sản có 611 doanh nghiệp; vận tải, kho bãi có 540 doanh nghiệp; giáo dục, đào tạo có 404 doanh nghiệp; thông tin và truyền thông có 380 doanh nghiệp; nông, lâm nghiệp và thủy sản có 273 doanh nghiệp; sản xuất phân phối điện, nước, gas 262 doanh nghiệp. Trung bình mỗi tháng có gần 10,7 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

4. Đầu tư

Nhằm kiểm soát và khống chế sự lây lan của dịch Covid-19, nhiều địa phương áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các dự án đầu tư công. Tốc độ tăng vốn đầu tư thực hiện từ nguồn Ngân sách Nhà nước tháng Tám giảm 7,1% so với tháng Bảy, giảm 24,7% so với cùng kỳ năm trước.. Tổng số dự án đầu tư nước ngoài tính đến 20/8/2021 đăng ký cấp mới giảm 36,8% so với cùng kỳ năm 2020 nhưng số vốn đăng ký tăng 16,3%. Vốn đăng ký cấp mới bình quân 1 dự án trong 8 tháng năm 2021 đạt 10 triệu USD/dự án (cùng kỳ năm 2020 đạt 5,4 triệu USD/dự án).

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 8/2021 ước tính đạt 34,9 nghìn tỷ đồng, giảm 24,7% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Vốn Trung ương quản lý 6,7 nghìn tỷ đồng, giảm 19,7%; vốn địa phương quản lý 28,2 nghìn tỷ đồng, giảm 25,8%. Tính chung 8 tháng năm 2021, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt 244,9 nghìn tỷ đồng, bằng 51,1% kế hoạch năm và giảm 0,4% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2020 bằng 48% và tăng 28%), cụ thể:

- Vốn Trung ương quản lý đạt 41,6 nghìn tỷ đồng, bằng 49,6% kế hoạch năm và tăng 5,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó Bộ Giao thông Vận tải đạt 20.876 tỷ đồng, bằng 52,8% và tăng 59,3%; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 2.174 tỷ đồng, bằng 47,6% và giảm 10,8%; Bộ Y tế 1.298 tỷ đồng, bằng 33,8% và giảm 54,9%; Bộ Giáo dục và Đào tạo 779 tỷ đồng, bằng 39,2% và giảm 38,1%; Bộ Tài nguyên và Môi trường 590 tỷ đồng, bằng 44,3% và giảm 0,7%; Bộ Công Thương 435 tỷ đồng, bằng 40,4% và tăng 81,4%; Bộ Xây dựng 385 tỷ đồng, bằng 57,3% và tăng 78,7%; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 344 tỷ đồng, bằng 38,1% và tăng 5,4%; Bộ Thông tin và Truyền thông 176 tỷ đồng, bằng 33,2% và tăng 88,2%; Bộ Khoa học và Công nghệ 135 tỷ đồng, bằng 39,4% và tăng 7,9%.

- Vốn địa phương quản lý đạt 203,3 nghìn tỷ đồng, bằng 51,5% kế hoạch năm và giảm 1,6% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó: Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh đạt 136,8 nghìn tỷ đồng, bằng 49,3% và bằng số cùng kỳ năm 2020; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện đạt 56 nghìn tỷ đồng, bằng 54,8% và giảm 4,4%; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã đạt 10,5 nghìn tỷ đồng, bằng 68,8% và giảm 6,2%. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước 8 tháng năm 2021 của một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như sau: Hà Nội đạt 27.462 tỷ đồng, bằng 54% kế hoạch năm và tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước; Thành phố Hồ Chí Minh 13.267 tỷ đồng, bằng 37,1% và giảm 27,4%; Quảng Ninh 11.695 tỷ đồng, bằng 66,1% và tăng 22,2%; Thanh Hóa 6.504 tỷ đồng, bằng 63,1% và tăng 2,3%; Hải Phòng 6.431 tỷ đồng, bằng 47,8% và tăng 11,7%; Bà Rịa - Vũng Tàu 5.864 tỷ đồng, bằng 54% và tăng 21%; Bình Dương 5.136 tỷ đồng, bằng 41,6% và giảm 28,4%; Bình Định 4.532 tỷ đồng, bằng 55,2% và tăng 1,5%; Đà Nẵng 4.343 tỷ đồng, bằng 60,2% và tăng 59,8%.

*Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam*¹¹ tính đến ngày 20/8/2021 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 19,12 tỷ USD, giảm 2,1% so với cùng kỳ năm trước.

- Vốn đăng ký cấp mới có 1.135 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 11,33 tỷ USD, giảm 36,8% về số dự án và tăng 16,3% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước; trong đó, ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí được cấp phép mới đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký đạt 5,13 tỷ USD, chiếm 45,3% tổng vốn đăng ký cấp mới; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 4,45 tỷ USD, chiếm 39,2%; các ngành còn lại đạt 1,75 tỷ USD, chiếm 15,5%. Trong số 61 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam trong 8 tháng, Xin-ga-po là nhà đầu tư lớn nhất với 4,93 tỷ USD, chiếm 43,6% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Nhật Bản 2,38 tỷ USD, chiếm 21%; Đặc khu hành chính Hồng Kông (TQ) 1,06 tỷ USD, chiếm 9,4%; Trung Quốc 836,3 triệu USD, chiếm 7,4%; Hàn Quốc 758,9 triệu USD, chiếm 6,7%; Hoa Kỳ 364,1 triệu USD, chiếm 3,2%.

- Vốn đăng ký điều chỉnh có 639 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư tăng thêm 4,98 tỷ USD, tăng 2,3% so với cùng kỳ năm trước.

Nếu tính cả vốn đăng ký mới và vốn đăng ký điều chỉnh của các dự án đã cấp phép từ các năm trước thì vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 8,56 tỷ USD, chiếm 52,5% tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm; ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 5,39 tỷ USD, chiếm 33%; các ngành còn lại đạt 2,36 tỷ USD, chiếm 14,5%.

- Vốn đăng ký góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài có 2.720 lượt với tổng giá trị góp vốn 2,81 tỷ USD, giảm 42,9%. Trong đó, có 1.092 lượt góp vốn, mua cổ phần làm tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp với giá trị góp vốn là 1,75 tỷ USD và 1.628 lượt nhà đầu tư nước ngoài mua lại cổ phần trong nước mà không làm tăng vốn điều lệ với giá trị 1,06 tỷ USD. Đối với hình thức góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài, vốn đầu tư vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 696 triệu USD, chiếm 24,7% giá trị góp vốn; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 557,4 triệu USD, chiếm 19,8%; lĩnh vực bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác 392,7 triệu USD, chiếm 14%; các ngành còn lại 1,17 tỷ USD, chiếm 41,5%.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 8 tháng năm 2021, ước tính đạt 11,58 tỷ USD, tăng 2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 8,31 tỷ USD, chiếm 71,7% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 1,44 tỷ USD, chiếm 12,4%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 1,09 tỷ USD, chiếm 9,4%.

¹¹ Theo báo cáo của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nhận ngày 22/8/2021.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 8 tháng năm 2021 có 40 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 150,1 triệu USD, giảm 31,3% so với cùng kỳ năm trước; có 13 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn tăng thêm 424,9 triệu USD, gấp 3,8 lần so với cùng kỳ năm trước¹². Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và tăng thêm) đạt 575 triệu USD, tăng 74,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ đạt 270,8 triệu USD, chiếm 47,1% tổng vốn đầu tư; lĩnh vực bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác đạt 150,9 triệu USD, chiếm 26,2%; nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 98,4 triệu USD, chiếm 17,1%. Trong 8 tháng có 20 quốc gia và vùng lãnh thổ nhận đầu tư của Việt Nam, trong đó Hoa Kỳ là nước dẫn đầu với 302,8 triệu USD, chiếm 52,7% tổng vốn đầu tư; Cam-pu-chia 89,4 triệu USD, chiếm 15,5%; Lào 47,8 triệu USD, chiếm 8,3%; Ca-na-da 32,1 triệu USD, chiếm 5,58%; Pháp, Đức, Hà Lan cùng đạt 32 triệu USD, cùng chiếm khoảng 5,57%.

5. Thu, chi ngân sách Nhà nước¹³

Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, đặc biệt là các địa phương phải thực hiện giãn cách xã hội để phòng chống dịch bệnh đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và kết quả thu ngân sách Nhà nước. Chi ngân sách Nhà nước tập trung ưu tiên cho công tác phòng, chống dịch bệnh, thực hiện các nhiệm vụ chính trị quan trọng, đảm bảo an sinh xã hội và an ninh, quốc phòng.

Thu ngân sách Nhà nước:

Tổng thu ngân sách Nhà nước 15 ngày đầu tháng 8/2021 ước tính đạt 21,4 nghìn tỷ đồng. Lũy kế tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/8/2021 đạt 947,1 nghìn tỷ đồng, bằng 70,5% dự toán năm (thu ngân sách Trung ương đạt 67,3%; thu ngân sách địa phương đạt 74,4%). Cụ thể một số khoản thu chính như sau:

- Thu nội địa trong 15 ngày đầu tháng 8/2021 đạt 13,8 nghìn tỷ đồng. Lũy kế đến ngày 15/8/2021 đạt 770,9 nghìn tỷ đồng, bằng 68% dự toán năm, trong đó: Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước đạt 97,3 nghìn tỷ đồng, bằng 65,6%; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) 136,6 nghìn tỷ đồng, bằng 68,6%; thu thuế công, thương nghiệp và dịch vụ ngoài Nhà nước 168,4 nghìn tỷ đồng, bằng 70,9%; thu thuế thu nhập cá nhân 85,2 nghìn tỷ đồng, bằng 79%; thu thuế bảo vệ môi trường 36,9 nghìn tỷ đồng, bằng 57,3%; thu tiền sử dụng đất 93,8 nghìn tỷ đồng, bằng 84,2%.

- Thu từ dầu thô trong 15 ngày đầu tháng 8/2021 đạt 999 tỷ đồng; lũy kế đến ngày 15/8/2021 đạt 23,4 nghìn tỷ đồng, bằng 101,1% dự toán năm;

¹² Vốn đầu tư điều chỉnh tăng mạnh do có dự án của Vingroup tại Hoa Kỳ điều chỉnh tăng 300 triệu USD; dự án Công ty TNHH Đầu tư và phát triển cao su Đông Dương tại Campuchia tăng 76 triệu USD và 01 dự án của Vinfast tại Đức tăng 32 triệu USD.

¹³ Theo báo cáo của Bộ Tài chính tính đến ngày 15/8/2021.

- Thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu trong 15 ngày đầu tháng 8/2021 đạt 6,6 nghìn tỷ đồng; lũy kế đến ngày 15/8/2021 đạt 152,1 nghìn tỷ đồng, bằng 85,2% dự toán năm.

Chi ngân sách Nhà nước:

Tổng chi ngân sách Nhà nước trong 15 ngày tháng 8/2021 ước tính đạt 53,6 nghìn tỷ đồng; lũy kế từ đầu năm đến thời điểm 15/8/2021 đạt 864,1 nghìn tỷ đồng, bằng 51,2% dự toán năm, trong đó: Chi thường xuyên đạt 614,7 nghìn tỷ đồng, bằng 59,3%; chi đầu tư phát triển 177,6 nghìn tỷ đồng, bằng 37,2%; chi trả nợ lãi 67,3 nghìn tỷ đồng, bằng 61,2%.

6. Thương mại, chỉ số giá, vận tải và du lịch

a) Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp trên cả nước, nhiều địa phương thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg đã ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động thương mại dịch vụ. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Tám giảm 10,5% so với tháng trước và giảm 33,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng giảm 4,7% (cùng kỳ năm 2020 giảm 1,1%).

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Tám ước tính đạt 279,8 nghìn tỷ đồng, giảm 10,5% so với tháng trước và giảm 33,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 249,9 nghìn tỷ đồng, giảm 8% và giảm 25,3%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 13,5 nghìn tỷ đồng, giảm 26,3% và giảm 66,9%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 20 tỷ đồng, giảm 78,3% và giảm 97,6%; doanh thu dịch vụ khác đạt 16,4 nghìn tỷ đồng, giảm 27,1% và giảm 64,2%.

Tính chung 8 tháng năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 3.044,5 nghìn tỷ đồng, giảm 4,7% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá giảm 6,2% (cùng kỳ năm 2020 giảm 5,8%).

Xét theo ngành hoạt động, *doanh thu bán lẻ hàng hóa* 8 tháng năm 2021 ước tính đạt 2.499,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 82,1% tổng mức và giảm 1,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vật phẩm văn hoá, giáo dục giảm 9%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình giảm 7,5%; may mặc giảm 6%; phương tiện đi lại giảm 3,1%; lương thực, thực phẩm tăng 4,5%. Doanh thu bán lẻ hàng hóa trong 8 tháng năm 2021 của một số địa phương như sau: Thành phố Hồ Chí Minh giảm 13,8%; Khánh Hòa giảm 8,1%; Hà Nội giảm 2,1%; Đồng Nai tăng 1,2%; Cần Thơ tăng 2,3%; Đà Nẵng tăng 4,7%; Quảng Ninh tăng 5,2%; Hải Phòng tăng 8,6%.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 8 tháng năm 2021 ước tính đạt 254,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 8,4% tổng mức và giảm 19,8% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 8 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước

của một số địa phương như sau: Hà Nội và Bình Dương cùng giảm 21,5%; Thành phố Hồ Chí Minh giảm 20%; Đà Nẵng giảm 14,3%; Đồng Nai giảm 13,5%; Cần Thơ giảm 8,9%, Quảng Ninh giảm 8,7%; Hải Phòng giảm 2,3%.

Doanh thu du lịch lữ hành 8 tháng năm 2021 ước tính đạt 4,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,1% tổng mức và giảm 61,8% so với cùng kỳ năm trước. Một số địa phương có doanh thu du lịch lữ hành 8 tháng năm 2021 giảm nhiều so với cùng kỳ năm trước: Khánh Hòa giảm 89,1%; Quảng Nam giảm 82,4%; Thừa Thiên - Huế giảm 63,9%; Nghệ An giảm 66,1%; Thành phố Hồ Chí Minh giảm 52,2%; Hà Nội giảm 50,3%; Hải Phòng giảm 47,1%; Đà Nẵng giảm 41,9%; Cần Thơ giảm 29,8%; Quảng Ninh giảm 28,4%.

Doanh thu dịch vụ khác 8 tháng năm nay ước tính đạt 286 nghìn tỷ đồng, chiếm 9,4% tổng mức và giảm 13,6% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó doanh thu của Thành phố Hồ Chí Minh giảm 17,8%; Bà Rịa - Vũng Tàu giảm 14,4%; Hà Nội giảm 13,8%; Bình Định giảm 9,7%; Bình Dương giảm 6,7%; Kiên Giang giảm 4,7%; Cần Thơ giảm 3%; Đà Nẵng giảm 2,4%.

b) Xuất nhập khẩu hàng hóa¹⁴

Trong tháng 8 năm 2021, dịch Covid-19 lần thứ tư vẫn diễn biến phức tạp khiến nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước phải tiếp tục thực hiện giãn cách, đã ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động xuất nhập khẩu. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng 8/2021 ước tính đạt 53,7 tỷ USD, giảm 5,8% so với tháng trước. Tuy nhiên, tính chung 8 tháng năm 2021, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước tính vẫn đạt ở mức cao, đạt 428,81 tỷ USD, tăng 27,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu đạt 212,55 tỷ USD, tăng 21,2%; nhập khẩu đạt 216,26 tỷ USD, tăng 33,8%¹⁵. Cán cân thương mại 8 tháng năm 2021 ước tính nhập siêu 3,71 tỷ USD.

Xuất khẩu hàng hóa

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa thực hiện tháng 7/2021 đạt 27,86 tỷ USD, cao hơn 865 triệu USD so với số ước tính.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 8/2021 ước tính đạt 26,2 tỷ USD, giảm 6% so với tháng trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 6,94 tỷ USD, giảm 9,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 19,26 tỷ USD, giảm 4,5%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng Tám giảm 5,4%, trong đó khu vực kinh tế trong nước giảm 13,9%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) giảm 1,9%.

¹⁴ Số liệu tháng 8/2021 do Tô liên ngành gồm Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tổng cục Hải quan và Tổng cục Thống kê hợp ước tính căn cứ trên số liệu kim ngạch xuất, nhập khẩu tính đến ngày 26/8/2021 của Tổng cục Hải quan kết hợp với thông tin thị trường, tỷ trọng và xu hướng xuất, nhập khẩu các mặt hàng. Tổng cục Thống kê nhận được và cập nhật báo cáo vào ngày 28/8/2021.

¹⁵ Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 8 tháng năm 2020 đạt 337,05 tỷ USD, giảm 0,05% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu đạt 175,37 tỷ USD, tăng 2,3%; nhập khẩu đạt 161,68 tỷ USD, giảm 2,5%.

Tính chung 8 tháng năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 212,55 tỷ USD, tăng 21,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 55,69 tỷ USD, tăng 10,5%, chiếm 26,2% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 156,86 tỷ USD, tăng 25,5%, chiếm 73,8%.

Trong 8 tháng năm 2021 có 30 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 91,8% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó 6 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 63,1% gồm: (1) Điện thoại và linh kiện có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất, đạt 35,7 tỷ USD, chiếm 16,8% tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước; (2) Điện tử, máy tính và linh kiện đạt 31,3 tỷ USD, tăng 12,8%; (3) Máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 23 tỷ USD, tăng 49,9%; (4) Hàng dệt may đạt 21,2 tỷ USD, tăng 9,7%; (5) Giày dép đạt 12,6 tỷ USD, tăng 16,2%; (6) Gỗ và sản phẩm gỗ đạt 10,4 tỷ USD, tăng 41,9%. Kim ngạch xuất khẩu 8 tháng của một số mặt hàng nông, thủy sản tăng so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể: thủy sản đạt 5,6 tỷ USD, tăng 7,1%; rau quả đạt 2,5 tỷ USD, tăng 11,8%; hạt điều đạt 2,3 tỷ USD, tăng 15,1% (lượng tăng 19,2%); cà phê đạt 2 tỷ USD, tăng 1,1% (lượng giảm 6,9% nhưng do giá xuất khẩu tăng nên giá trị xuất khẩu tăng); cao su đạt 1,9 tỷ USD, tăng 61,4% (lượng tăng 23,3%); sản và các sản phẩm từ sản đạt 776 triệu USD, tăng 28,4% (lượng tăng 13,4%); hạt tiêu đạt 666 triệu USD, tăng 50,2% (mặc dù lượng giảm 0,8% nhưng giá trị xuất khẩu vẫn tăng do giá xuất khẩu tăng). Riêng mặt hàng gạo đạt 2,1 tỷ USD, giảm 6,8% (lượng giảm 14,8%); chè đạt 133 triệu USD, giảm 1,6% (lượng giảm 6%).

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu 8 tháng, nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản ước tính đạt 2,29 tỷ USD, tăng 3,6% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 1,1% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu (giảm 0,2 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước). Nhóm hàng công nghiệp chế biến ước tính đạt 189,28 tỷ USD, tăng 22,5% và chiếm 89,1% (tăng 0,9 điểm phần trăm). Nhóm hàng nông sản, lâm sản đạt 15,4 tỷ USD, tăng 14,9% và chiếm 7,2% (giảm 0,4 điểm phần trăm). Nhóm hàng thủy sản đạt 5,58 tỷ USD, tăng 7,1% và chiếm 2,6% (giảm 0,3 điểm phần trăm).

Về thị trường xuất khẩu hàng hóa 8 tháng năm 2021, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 62,2 tỷ USD, tăng 32,5% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp đến là Trung Quốc đạt 32,7 tỷ USD, tăng 19,8%. Thị trường EU đạt 26,1 tỷ USD, tăng 14,5%. Thị trường ASEAN đạt 18,4 tỷ USD, tăng 23,3%. Hàn Quốc đạt 13,9 tỷ USD, tăng 9,9%. Nhật Bản đạt 13,5 tỷ USD, tăng 8,6%.

Nhập khẩu hàng hóa

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa thực hiện tháng 7/2021 đạt 29,11 tỷ USD, cao hơn 412 triệu USD so với số ước tính.

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 8/2021 ước tính đạt 27,5 tỷ USD, giảm 5,5% so với tháng trước, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước đạt 9,65 tỷ USD, giảm 5,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 17,85 tỷ USD, giảm

5,4%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng Tám tăng 21,2%, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước tăng 24,1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 19,6%.

Tính chung 8 tháng năm 2021, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 216,26 tỷ USD, tăng 33,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 76,05 tỷ USD, tăng 29,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 140,21 tỷ USD, tăng 36,4%.

Trong 8 tháng năm 2021 có 33 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 88,7% tổng kim ngạch nhập khẩu, trong đó: Điện tử, máy tính và linh kiện đạt 46,2 tỷ USD (chiếm 21,4% tổng kim ngạch nhập khẩu), tăng 19,2% so với cùng kỳ năm trước; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 31,2 tỷ USD, tăng 35,5%; điện thoại và linh kiện đạt 12,5 tỷ USD, tăng 42,7%; vải đạt 9,5 tỷ USD, tăng 27,8%; chất dẻo đạt 8,1 tỷ USD, tăng 53,9%; sắt thép đạt 7,8 tỷ USD, tăng 43,5%; kim loại thường khác đạt 5,9 tỷ USD, tăng 57,3%; ô tô đạt 5,7 tỷ USD, tăng 64,2%; sản phẩm chất dẻo đạt 5,3 tỷ USD, tăng 18,3%; sản phẩm hóa chất đạt 5,1 tỷ USD, tăng 42,9%; hóa chất đạt trên 5 tỷ USD, tăng 59,3%.

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu 8 tháng năm 2021, nhóm hàng tư liệu sản xuất ước tính đạt 204,16 tỷ USD, tăng 34,4% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 94,4% tổng kim ngạch hàng hóa nhập khẩu (tăng 0,4 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước), trong đó: Nhóm hàng máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 96,6 tỷ USD, tăng 27,2% và chiếm 44,7% (giảm 2,3 điểm phần trăm); nhóm hàng nguyên, nhiên, vật liệu đạt 107,56 tỷ USD, tăng 41,6% và chiếm 49,7% (tăng 2,7 điểm phần trăm). Nhóm hàng tiêu dùng ước tính đạt 12,1 tỷ USD, tăng 24% và chiếm 5,6% (giảm 0,4 điểm phần trăm).

Về thị trường nhập khẩu hàng hóa 8 tháng năm 2021, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 72,5 tỷ USD, tăng 47,1% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp theo là thị trường Hàn Quốc đạt 34,6 tỷ USD, tăng 20,5%. Thị trường ASEAN đạt 28,2 tỷ USD, tăng 47,4%. Nhật Bản đạt 14,5 tỷ USD, tăng 13,7%. Thị trường EU đạt 11 tỷ USD, tăng 17,1%. Hoa Kỳ đạt 10,4 tỷ USD, tăng 12,3%.

Cán cân thương mại hàng hóa thực hiện tháng Bảy nhập siêu 1,25 tỷ USD¹⁶; 7 tháng nhập siêu 2,41 tỷ USD; tháng Tám ước tính nhập siêu 1,3 tỷ USD. Tính chung 8 tháng năm 2021, cán cân thương mại hàng hóa nhập siêu 3,71 tỷ USD¹⁷ (cùng kỳ năm trước xuất siêu 13,69 tỷ USD), trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 20,36 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 16,65 tỷ USD.

¹⁶ Ước tính tháng Bảy nhập siêu 1,7 tỷ USD.

¹⁷ Trong đó, 8 tháng năm 2021 xuất siêu sang EU đạt 15,1 tỷ USD, tăng 12,7% so với cùng kỳ năm trước; nhập siêu từ Trung Quốc 39,8 tỷ USD, tăng 81%; nhập siêu từ Hàn Quốc 20,7 tỷ USD, tăng 28,9%; nhập siêu từ ASEAN 9,8 tỷ USD, tăng 133,4%.

c) Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ

Giá lương thực, thực phẩm tăng tại các địa phương thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg là nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 8/2021 tăng 0,25% so với tháng trước, tăng 2,51% so với tháng 12/2020 và tăng 2,82% so với tháng 8/2020. Tuy nhiên, tính chung 8 tháng năm 2021, CPI tăng 1,79% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016¹⁸; lạm phát cơ bản 8 tháng tăng 0,9%.

Trong mức tăng 0,25% của CPI tháng 8/2021 so với tháng trước có 4 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, 4 nhóm hàng có chỉ số giá giảm và 3 nhóm giữ giá ổn định.

(1) Bốn nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng gồm:

- *Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống* có mức tăng cao nhất với 0,74% (làm CPI chung tăng 0,25 điểm phần trăm) do việc vận chuyển và phân phối hàng hóa thực hiện theo quy trình nghiêm ngặt hơn nhằm đảm bảo các yêu cầu phòng, chống dịch Covid-19, trong khi nhu cầu tích trữ lương thực, thực phẩm tăng cao tại các khu vực thực hiện giãn cách xã hội¹⁹. Trong đó, lương thực tăng 0,69%²⁰; thực phẩm tăng 0,97%²¹; ăn uống ngoài gia đình tăng 0,19%.

- *Nhóm đồ uống và thuốc lá* tăng 0,22% do nhu cầu tiêu dùng đồ uống giải khát khi thời tiết nắng nóng tăng cao và giá thuốc lá tăng do chi phí vận chuyển tăng và nguồn cung giảm.

- *Nhóm giáo dục* tăng 0,04% do giá văn phòng phẩm tăng 0,34%.

- *Nhóm thuốc và dịch vụ y tế* tăng 0,02% chủ yếu do dịch Covid-19 diễn biến nhanh và phức tạp, các địa phương đẩy nhanh tiêm vắc-xin phòng, chống dịch nên nhu cầu mua các loại thuốc tăng cường hệ miễn dịch tăng làm giá các loại thuốc tăng 0,08%.

¹⁸ Tốc độ tăng CPI bình quân 8 tháng so với cùng kỳ năm trước các năm 2016-2021 lần lượt là: tăng 1,91%; tăng 3,84%; tăng 3,52%; tăng 2,57%; tăng 3,96%; tăng 1,79%.

¹⁹ Tốc độ tăng chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tháng Tám so với tháng trước của một số địa phương: Cần Thơ tăng 3,99%; Vũng Tàu tăng 3,22%; Đà Nẵng tăng 2,65%; Bình Dương tăng 2,62%; Hà Nội tăng 2,21%; Vĩnh Long tăng 1,82%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 1,68%; Đồng Nai tăng 1,47%; Bến Tre tăng 1,09%.

²⁰ Giá gạo tăng 0,44% do nhu cầu tiêu dùng, dự trữ gạo của người dân và chi phí vận chuyển gạo giữa các địa phương tăng trong tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp; giá bột mì và ngũ cốc khác tăng 3,98%; giá lương thực chế biến tăng 0,82%.

²¹ Giá thịt gia cầm tăng 0,66%; giá trứng các loại tăng 10,28% do nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng cao trong bối cảnh nhiều địa phương thực hiện giãn cách xã hội và các doanh nghiệp đang thu mua để chế biến trứng vịt muối cho mùa Trung thu sắp tới; giá thủy sản tươi sống tăng 2,24% do chi phí vận chuyển, bảo quản và nhu cầu tiêu dùng, tích trữ tăng; giá rau tươi, khô và chế biến tăng 5,12% do vận chuyển hàng hóa khó khăn, nguồn rau về chợ bán lẻ giảm tại một số địa phương; giá quả tươi và chế biến tăng 0,52% do trong tháng có ngày rằm tháng Bảy âm lịch. Ở chiều ngược lại, giá thịt lợn giảm 1,81% (làm CPI chung giảm 0,06 điểm phần trăm) do dịch tả lợn châu Phi ở các địa phương được kiểm soát tốt, nguồn cung thịt lợn tăng; giá các sản phẩm chế biến từ thịt lợn giảm (giá thịt quay, giò, chả giảm 0,37%; mỡ động vật giảm 4,13%).

(2) Bốn nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm gồm:

- *Nhóm giao thông* giảm 0,06% chủ yếu do nhiều đại lý ô tô đưa ra các gói ưu đãi, giảm giá xe hấp dẫn nhằm kích thích sức mua của người tiêu dùng trong tháng Bảy âm lịch làm cho giá ô tô giảm²²; bên cạnh đó, giá vận tải đường sắt giảm 0,37% khi Tổng công ty Đường sắt Việt Nam giảm giá.

- *Nhóm bưu chính viễn thông* giảm 0,05% do giá điện thoại di động thông minh, máy tính bảng giảm 0,16% và phụ kiện điện thoại di động thông minh, máy tính bảng giảm 0,5%.

- *Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch* chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 giảm 0,03% chủ yếu do giá thiết bị văn hóa giảm 0,22%; du lịch trọn gói giảm 0,04%.

- *Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép* giảm 0,03% do nhu cầu tiêu dùng giảm khi các địa phương thực hiện giãn cách xã hội phòng, chống dịch Covid-19.

(3) Ba nhóm hàng hóa và dịch vụ giữ giá ổn định gồm:

- *Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng*, trong đó: giá điện sinh hoạt tăng 0,35% (làm CPI chung tăng 0,01 điểm phần trăm) chủ yếu ở các địa phương không được hỗ trợ giảm giá tiền điện; giá gas tăng 2,95%; mặt khác, giá dầu hỏa giảm 1,71%; tiền thuê nhà giảm 1,7% do nhiều hộ gia đình giảm giá để chia sẻ khó khăn với người dân, đồng thời khuyến khích cho thuê lâu dài trong tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp; giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở giảm 0,2%; giá nước sinh hoạt giảm 0,3%.

- *Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình* có giá ổn định chủ yếu do các siêu thị điện máy giảm giá hàng loạt sản phẩm để kích cầu tiêu dùng trong bối cảnh dịch Covid-19, tuy nhiên nhu cầu sử dụng các loại vật phẩm tiêu dùng gia đình tăng làm cho giá xà phòng và chất tẩy rửa tăng 0,11%; thuốc diệt côn trùng tăng 0,17%.

- *Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác* cũng là nhóm hàng giữ mức giá ổn định so với tháng trước.

Lạm phát cơ bản²³ tháng 8/2021 giảm 0,02% so với tháng trước, tăng 0,98% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 8 tháng năm nay tăng 0,9% so với cùng kỳ năm 2020.

Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới. Giá vàng thế giới tháng 8/2021 giảm so với tháng trước sau khi số liệu thị trường việc làm Mỹ tháng 7/2021 vượt kỳ vọng. Theo đó, đồng đô la Mỹ tăng giá, thị trường chứng khoán tăng điểm và lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ tăng mạnh khiến cho nhu cầu đối với vàng giảm. Bình quân giá vàng thế giới đến ngày 25/8/2021 giảm 0,9% so với tháng 7/2021. Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 8/2021 giảm 0,49% so với tháng trước; giảm 1,65% so với tháng 12/2020 và giảm 3,02% so với cùng kỳ năm trước.

²² Giá ô tô mới giảm 0,09% và giá ô tô đã qua sử dụng giảm 0,84%.

²³ CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục.

Đồng đô la Mỹ trên thị trường thế giới tăng sau khi Bộ Lao động Mỹ công bố báo cáo số lượng việc làm tại Mỹ tháng 7/2021 tăng cao nhất kể từ tháng 8/2020. Trong nước, lượng dự trữ ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam dồi dào đáp ứng nhu cầu về ngoại tệ của các doanh nghiệp nhập khẩu. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 7/2021 giảm 0,44% so với tháng trước; giảm 0,67% so với tháng 12/2020 và giảm 0,92% so với cùng kỳ năm trước do nhu cầu mua bán ngoại tệ hạn chế trong điều kiện giãn cách xã hội kéo dài.

d) Vận tải hành khách và hàng hóa

Hoạt động vận tải trong tháng Tám gặp khó khăn khi nhiều địa phương tiếp tục thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg. Vận tải hành khách tháng Tám giảm 35,9% về lượng hành khách vận chuyển và giảm 37,1% về lượng hành khách luân chuyển so với tháng trước; vận tải hàng hóa giảm 11% về sản lượng vận chuyển và giảm 8,6% về sản lượng luân chuyển. Tính chung 8 tháng năm 2021, vận chuyển hành khách giảm 18,8% so với cùng kỳ năm trước, luân chuyển hành khách giảm 25,9% và vận chuyển hàng hóa giảm 3,5%, luân chuyển hàng hóa tăng 0,9%.

Vận tải hành khách tháng Tám ước tính đạt 60,7 triệu lượt khách vận chuyển, giảm 75,9% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 2 tỷ lượt khách.km, giảm 80,3%.

Tính chung 8 tháng năm 2021, vận tải hành khách đạt 1.926,7 triệu lượt khách vận chuyển, giảm 18,8% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2020 giảm 28,4%) và luân chuyển 80,1 tỷ lượt khách.km, giảm 25,9% (cùng kỳ năm trước giảm 34,2%). Trong đó, vận tải trong nước đạt 1.926,6 triệu lượt khách, giảm 18,7% và 79,7 tỷ lượt khách.km, giảm 19,1%; vận tải ngoài nước đạt 98,4 nghìn lượt khách, giảm 96,4% và 484,8 triệu lượt khách.km, giảm 95%. Xét theo ngành vận tải, vận tải hành khách đường bộ 8 tháng đạt 1.782 triệu lượt khách vận chuyển, giảm 18,9% so với cùng kỳ năm trước và 65 tỷ lượt khách.km luân chuyển, giảm 18,7%; đường thủy nội địa đạt 126,3 triệu lượt khách vận chuyển, giảm 13,8% và 2,3 tỷ lượt khách.km luân chuyển, giảm 12,1%; hàng không đạt 13,3 triệu lượt khách vận chuyển, giảm 37,9% và 12,1 tỷ lượt khách.km luân chuyển, giảm 49,9%; đường biển đạt 3,9 triệu lượt khách vận chuyển, giảm 20% và 202,4 triệu lượt khách.km luân chuyển, giảm 7,8%; đường sắt đạt 1,2 triệu lượt khách vận chuyển, giảm 54,5% và 528,6 triệu lượt khách.km luân chuyển, giảm 55,8%.

Vận tải hàng hóa tháng Tám ước tính đạt 91,1 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, giảm 39,3% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 21,1 tỷ tấn.km, giảm 21,8%. Tính chung 8 tháng năm 2021, vận tải hàng hóa đạt 1.069,3 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, giảm 3,5% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2020 giảm 6,7%) và

luân chuyển 216,5 tỷ tấn.km, tăng 0,9% (cùng kỳ năm trước giảm 7,9%), trong đó: Vận tải trong nước đạt 1.051,2 triệu tấn vận chuyển, giảm 3,1% và 127,7 tỷ tấn.km luân chuyển, tăng 15,4%; vận tải ngoài nước đạt 18,1 triệu tấn vận chuyển, giảm 20,6% và 88,8 tỷ tấn.km luân chuyển, giảm 14,6%. Xét theo ngành vận tải, vận tải hàng hóa đường bộ 8 tháng đạt 803 triệu tấn vận chuyển, giảm 5,2% so với cùng kỳ năm trước và 56,1 tỷ tấn.km luân chuyển, giảm 3%; đường thủy nội địa đạt 207,9 triệu tấn vận chuyển, tăng 1,1% và 44,9 tỷ tấn.km luân chuyển, tăng 5,8%; đường biển đạt 54,5 triệu tấn vận chuyển, tăng 5% và 111,7 tỷ tấn.km luân chuyển, tăng 2%; đường sắt đạt 3,7 triệu tấn vận chuyển, tăng 12,6% và 2,4 tỷ tấn.km luân chuyển, tăng 2,7%; đường hàng không đạt 161,9 nghìn tấn vận chuyển, giảm 9,6% và 1,4 tỷ tấn.km luân chuyển, giảm 42,6%.

d) Khách quốc tế đến Việt Nam²⁴

Khách quốc tế đến Việt Nam trong tháng 8/2021 đạt 9,3 nghìn lượt người, giảm 43% so với cùng kỳ năm trước do Việt Nam tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19, chưa mở cửa du lịch quốc tế nên lượng khách đến chủ yếu là chuyên gia, lao động kỹ thuật nước ngoài làm việc tại các dự án ở Việt Nam. Tính chung 8 tháng năm 2021, khách quốc tế đến nước ta đạt 105 nghìn lượt người, giảm 97,2% so với cùng kỳ năm trước.

Khách quốc tế đến nước ta trong tháng Tám ước tính đạt 9,3 nghìn lượt người, tăng 24,4% so với tháng trước và giảm 43% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng năm 2021, khách quốc tế đến nước ta ước tính đạt 105 nghìn lượt người, giảm 97,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đến bằng đường hàng không đạt 68,8 nghìn lượt người, chiếm 65,5% lượng khách quốc tế đến Việt Nam và giảm 97,7% so với cùng kỳ năm trước; bằng đường bộ đạt 36 nghìn lượt người, chiếm 34,2% và giảm 93,8%; bằng đường biển đạt 275 lượt người, chiếm 0,3% và giảm 99,8%.

Trong 8 tháng năm nay, khách đến từ châu Á đạt 90,6 nghìn lượt người, chiếm 86,2% tổng số khách quốc tế đến nước ta, giảm 96,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khách đến từ tất cả các thị trường đều giảm mạnh: Trung Quốc đạt 42,7 nghìn lượt người, giảm 95,4% so với cùng kỳ năm trước; Hàn Quốc 21 nghìn lượt người, giảm 97,5%; Đài Loan 7,9 nghìn lượt người, giảm 95,9%; Nhật Bản 5,6 nghìn lượt người, giảm 97,2%; Lào 5,4 nghìn lượt người, giảm 87,8%. Khách đến từ châu Âu trong 8 tháng ước tính đạt 9,3 nghìn lượt người, giảm 98,6% so với cùng kỳ năm trước; khách đến từ châu Mỹ đạt 3,5 nghìn lượt người, giảm 98,5%; khách đến từ châu Úc đạt 832 lượt người, giảm 99,2%; khách đến từ châu Phi đạt 867 lượt người, giảm 92,9%.

²⁴ Theo báo cáo của Cục cửa khẩu, Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng, Bộ Quốc phòng và Cục Xuất nhập cảnh, Bộ Công an, kỳ báo cáo từ ngày 21/7-20/8/2021.

7. Một số tình hình xã hội

a) Công tác an sinh xã hội

Trong tháng Tám, công tác an sinh xã hội đặc biệt được quan tâm trong bối cảnh đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn do tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, đặc biệt tại các địa phương thực hiện giãn cách xã hội. Bên cạnh việc tích cực triển khai gói hỗ trợ 26 nghìn tỷ đồng theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục có những chỉ đạo kịp thời nhằm đảm bảo đời sống cho người dân thông qua các văn bản như: Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 06/8/2021 về các giải pháp cấp bách, phòng chống dịch Covid-19; Quyết định số 1409/QĐ-TTg ngày 16/8/2021, chỉ đạo Bộ Tài chính xuất cấp 4.117,8 tấn gạo từ nguồn dự trữ quốc gia cho các tỉnh: Bình Phước, Bạc Liêu, Sóc Trăng; Quyết định số 1415/QĐ-TTg ngày 20/8/2021, xuất cấp 130,2 nghìn tấn gạo từ nguồn dự trữ quốc gia để hỗ trợ người dân 24 tỉnh, thành phố²⁵ gặp khó khăn do Covid-19.

Riêng Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương chịu ảnh hưởng nặng nề nhất từ dịch Covid-19, ngoài việc thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, ngân sách địa phương đã trích 1.791 tỷ đồng và nhận hỗ trợ từ Bộ Thông tin và truyền thông gói hỗ trợ “Tấm lòng mùa dịch, san sẻ yêu thương” hỗ trợ thêm cho người dân trong mùa dịch.

b) Tình hình dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm

Theo báo cáo của Bộ Y tế, trong tháng (19/7-18/8/2021), cả nước có 4.629 trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết (4 trường hợp tử vong); 186 trường hợp mắc bệnh tay chân miệng; 45 trường hợp mắc bệnh viêm màng não do vi rút; 1 trường hợp mắc bệnh viêm màng não do não mô cầu; 20 trường hợp sốt phát ban nghi sởi. Tính chung 8 tháng năm 2021, cả nước có 43.952 trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết (13 trường hợp tử vong); 37.643 trường hợp mắc bệnh tay chân miệng (11 trường hợp tử vong); 412 trường hợp mắc bệnh viêm màng não do vi rút (5 trường hợp tử vong); 14 trường hợp mắc bệnh viêm màng não do não mô cầu (2 trường hợp tử vong); 378 trường hợp sốt phát ban nghi sởi, trong đó có 39 trường hợp dương tính.

Dịch Covid-19 trên thế giới vẫn diễn biến phức tạp²⁶. Tại Việt Nam, số ca mắc mới tăng nhanh, đặc biệt ở Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương và các tỉnh phía Nam. Tính đến sáng ngày 28/8/2021, Việt Nam có 410.366 trường hợp

²⁵ Đắk Lắk với 534,4 tấn; Đắk Nông 577,1 tấn; Đồng Tháp 5.883,5 tấn; Tây Ninh 336,3 tấn; Cà Mau 2.862,3 tấn; Vĩnh Long 2.103,2 tấn; Long An 807 tấn; Kiên Giang 2.278,2 tấn; Trà Vinh 1.739 tấn; Khánh Hòa 2.000 tấn; Bình Dương 11.325 tấn; Bến Tre 2.408,3 tấn; Bình Định 1.000,5 tấn; An Giang: 3.362,3 tấn; Nghệ An 341,1 tấn; Tiền Giang 3.006,2 tấn; Đồng Nai 3.128,5 tấn; Bà Rịa - Vũng Tàu 2.283,5 tấn; Phú Yên 1.852,7 tấn; thành phố Đà Nẵng 1.630,6 tấn; thành phố Cần Thơ 5.015,5 tấn; Bình Thuận 4.018,5 tấn; Ninh Thuận 577,2 tấn; Thành phố Hồ Chí Minh 71.105 tấn

²⁶ Tính đến sáng ngày 28/8/2021 trên thế giới có 216.162,5 nghìn trường hợp mắc Covid-19 (4.497,7 nghìn trường hợp tử vong).

mắc, trong đó 198.614 trường hợp đã được chữa khỏi và 10.053 trường hợp tử vong. Có 8 địa phương đã qua 14 ngày không ghi nhận trường hợp nhiễm mới trong nước: Quảng Ninh, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lai Châu, Hoà Bình, Yên Bái, Hà Giang, Kon Tum.

Tổng số người nhiễm HIV của cả nước hiện còn sống tính đến thời điểm 18/8/2021 là 211.570 người; số người đã chuyển sang giai đoạn AIDS là 89.815 người và số người tử vong do HIV/AIDS của cả nước tính đến thời điểm trên là 107.026 người.

Về ngộ độc thực phẩm, trong tháng Tám xảy ra 2 vụ với 222 người bị ngộ độc. Tính chung 8 tháng năm 2021, cả nước xảy ra 49 vụ với 1.466 người bị ngộ độc (5 người tử vong).

c) Tai nạn giao thông²⁷

Trong tháng Tám và 8 tháng năm 2021, số vụ tai nạn giao thông, số người chết và số người bị thương do tai nạn giao thông giảm mạnh so với tháng trước và so với cùng kỳ năm trước do các địa phương thực hiện phòng chống dịch Covid-19 theo Chỉ thị số 15/CT-TTg và Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Trong tháng Tám (từ 15/7-14/8/2021), trên địa bàn cả nước xảy ra 510 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 343 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 167 vụ va chạm giao thông, làm 257 người chết, 181 người bị thương và 161 người bị thương nhẹ. So với tháng trước, số vụ tai nạn giao thông giảm 35,6% (số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên giảm 35,4% và số vụ va chạm giao thông giảm 36%); số người chết giảm 40,9% và số người bị thương giảm 33,7% và số người bị thương nhẹ giảm 31,8%. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông tháng Tám giảm 56,6% (số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên giảm 50,5% và số vụ va chạm giao thông giảm 65,3%); số người chết giảm 53,4%; số người bị thương giảm 52,9% và số người bị thương nhẹ giảm 67,3%.

Tính chung 8 tháng năm 2021, trên địa bàn cả nước xảy ra 7.647 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 4.911 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 2.736 vụ va chạm giao thông, làm 3.892 người chết, 2.543 người bị thương và 2.783 người bị thương nhẹ. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông trong 8 tháng năm nay giảm 16,6% (số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên giảm 6,8%; số vụ va chạm giao thông giảm 29,8%); số người chết giảm 10,4%; số người bị thương giảm 7,5% và số người bị thương nhẹ giảm 30%. Bình quân 1 ngày trong 8 tháng năm 2021, trên địa bàn cả nước xảy ra 31 vụ tai nạn giao thông, gồm 20 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 11 vụ va chạm giao thông, làm 16 người chết, 11 người bị thương và 12 người bị thương nhẹ.

²⁷ Theo báo cáo nhanh từ Văn phòng Bộ Công an và Cục Hàng hải (Bộ Giao thông vận tải).

d) Thiệt hại do thiên tai²⁸

Thiên tai xảy ra trong tháng (từ ngày 19/7-18/8/2021) chủ yếu là mưa lớn, lũ, ngập lụt, lốc, sét, mưa đá và hạn hán làm 15 người chết; 30 người bị thương; 856,5 ha lúa và 17,3 nghìn ha hoa màu bị hư hỏng; 219 ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi và 2,3 nghìn ngôi nhà bị ngập hư hại, thiệt hại ước tính 141,3 tỷ đồng, giảm 53,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng năm nay, thiên tai làm 56 người chết và mất tích, 95 người bị thương; 501 ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi và 11,2 nghìn ngôi nhà bị ngập hư hại; 8 nghìn con gia súc và gia cầm bị chết; 75,6 nghìn ha lúa và 37,4 nghìn ha hoa màu bị hư hỏng; tổng giá trị thiệt hại về tài sản ước tính 913,1 tỷ đồng, giảm 86,5% so với cùng kỳ năm trước.

đ) Bảo vệ môi trường và phòng chống cháy, nổ

Trong tháng 8/2021, cơ quan chức năng đã phát hiện 1.050 vụ vi phạm môi trường, trong đó xử lý 915 vụ với tổng số tiền phạt 25,5 tỷ đồng. Tính chung 8 tháng năm nay đã phát hiện 11.541 vụ vi phạm môi trường, trong đó xử lý 10.176 vụ với tổng số tiền phạt 179,8 tỷ đồng.

Trong tháng²⁹, cả nước xảy ra 224 vụ cháy, nổ, làm 7 người chết và 21 người bị thương, thiệt hại ước tính 16,6 tỷ đồng. Tính chung 8 tháng năm 2021, trên địa bàn cả nước xảy ra 1.608 vụ cháy, nổ, làm 74 người chết và 114 người bị thương, thiệt hại ước tính 335 tỷ đồng./.

Nơi nhận:

- Tổng Bí thư;
- Chủ tịch nước;
- Chủ tịch Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Các cơ quan thuộc Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các cơ quan thuộc Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Các đoàn thể Trung ương;
- Các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp VN;
- Các đơn vị thuộc Bộ KHĐT;
- Cơ quan Thông tấn, báo chí;
- Các đơn vị thuộc TCTK;
- Lưu: VT, TKTH.

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hương

²⁸ Tổng hợp Báo cáo từ 63 Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, kỳ báo cáo từ ngày 19/7-18/8/2021.

²⁹ Theo báo cáo nhanh từ Bộ Công an ngày 23/8/2021.